

Mười Năm ở Bạc Liêu -2

Chiêm Lưu Huy

1.

Ngày ấy, làng tôi chỉ có hai cái máy khâu. Một cái của bác Nhung, một cái của chú Thân. Tuy vậy bác Nhung ở xóm tôi, chú Thân ở xóm trên, không có việc để làm. Đơn giản vì một năm người làng tôi chỉ may một vài bộ quần áo vào dịp Tết Nguyên đán. Thậm chí chỉ may thêm một cái áo hay một cái quần. Nhà đông con thì đưa lớn cỡ ra, đưa bé mặc vào. Người mẹ thường tận dụng quần áo cũ vá vớ lại. Dăm ba nhà khá giả mới chú ý đến mùa Tết. Họ mua vải về may áo mới cho con. Nhà nghèo chỉ lo cái ăn. Cái mặc xếp hàng đợi đấy. Nó chưa thật cấp bách. Mùa khai trường cũng vậy, con nít ít đưa khoe áo mới.

2.

Làng tôi to hơn làng Chiềng (quê mẹ tôi). Nghĩa là số hộ gia đình và nhân khẩu cũng như diện tích đất đai to hơn làng kia nhiều. Nhưng không hiểu vì sao làng tôi không có lấy một nghề phụ như làm bánh, làm bún hay lò rèn. Lò rèn là nơi làm ra lưỡi cuốc, lưỡi hái, cái liềm, con dao, cái dùi. Toàn là những thứ vô cùng thiết thực ở nông thôn. Đó là công cụ cầm tay phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống hàng ngày. Muốn cắt chấu cho cái liềm cùn, người làng tôi phải xuống làng Chiềng hay làng Khuốc. Làng Chiềng có lò rèn của cậu Phóng nhưng cậu Phóng không nổi tiếng bằng ông Vũng làng Khuốc; có lẽ vì tay nghề, phần mới mở về sau, phần vì chưa có tiếng tăm. vậy nên, dù phải đi bộ xa hơn vài cây số, người làng tôi vẫn tìm đến lò rèn của ông Vũng. Trước một mùa gặt nào đó, tôi đã từng thu gom ba bốn chiếc liềm cùn của gia đình tôi và vài nhà trong xóm đi cắt chấu tại lò rèn ông Vũng, tí xa trên làng Khuốc.

3.



Ông Vũng chắc ngoài 60, cao lêu đêu, tay dài, lưng còng, đi hơi dềnh dàng, mắt toét nhèm. Lưng còng, mắt toét có lẽ là do bệnh nghề nghiệp. Ông ngồi cả ngày gò lưng, dán mắt, kỳ công cắt chấu lưỡi hái, lưỡi liềm. Lại nhìn ngọn lửa xanh lè, đỏ rực trong lò để ước lượng sức nóng, độ chín của sắt thép rồi lấy ra rèn giữa mà không còng lưng, mắt toét mới là lạ. Hai tay phì phò kéo bễ thổi lửa cho lò rèn là một người phụ giúp việc. Anh này là con trai, không mượn người ngoài, sau này nối nghiệp cha ông. Con trai ông Vũng hao hao giống cha về rất nhiều phương diện. Đặc biệt là tính kiên trì, nhẫn nại. Mồ hôi nhễ nhại với cái nắng hực tháng 4, tháng 5, tháng 6 ngoài trời lại thêm sức nóng của lò than rực lửa, một tay quai búa, một tay cặp kìm liên tục lật, úp, nhúng nước; tôi luyện lưỡi hái cho đến thành tựu. Cũng như cha, con ông Vũng vui vì người ở nơi xa tìm đến lò rèn của họ bằng uy tín lan truyền trong dân gian mà không cần quảng cáo.

4.

Thợ cắt tóc thì làng tôi cũng có hai người. Ông X ở xóm trong. Anh P ở xóm đầu làng. Ông X đã khá cao tuổi. Anh P là dân canh điền, nghĩa là theo đít con trâu cày bừa, ruộng sâu, đồng cạn. Tháng ba ngày tám, thời giờ rảnh rỗi vào ban trưa người ta thường tìm đến nhà anh hớt tóc. Chỉ vài ba cái tăng đơ, vài cái lược, con dao cạo và cây kéo dựng trong hòm gỗ là tạm đủ những dụng cụ thiết yếu giúp anh hành nghề. Khách có nhu cầu, anh mở hòm gỗ mang từ trong buồng ra. Thêm cái ghế xếp, mở rộng cho khách ngồi. Trước khi cạo râu, cạo chân mái tóc thì lấy bàn chải lông quét qua quét lại hết vùng mặt, vùng gáy với bọt xà bông một lượt. Lưỡi dao cạo mở ra, bao giờ anh cũng mài nó vào miếng da treo lưng lẳng rất có nghề. Ấy vậy mà dao nhụt, cạo không bén, vô ý mạnh tay lại làm rách da, chảy máu không chừng. Thỉnh thoảng tôi cũng thấy ông X hay anh P đi cắt tóc dạo. Tôi nhớ không nhầm thì giá mỗi lần cắt tóc chỉ vài ba hào. Vài ba hào thời ấy ở làng quê cũng to, có khi mua được dăm ba lạng thóc. Một công lao động ngoài đồng cũng chỉ non một kg lúa mà thôi. Hợp tác xã càng về sau càng tệ hại thì ngày công lao động của người lớn có khi chỉ được trả bằng ba lạng gạo. Công lao động của trẻ con như tôi thì ít hơn.



5.

Xã Thái Hưng của tôi có tới 7 làng. Tống, Ốc, Chiềng, Trại, Dương Xuân, Dương Khê, Đồng Vọng. Xã có trạm y tế. Bác sĩ Hoàng Đờm làm trạm trưởng (Anh Hoàng Tú, học khoa thi công, đại học Thủy lợi Hà Nội sau tôi một khoá, là con Bác sĩ Hoàng Đờm). Y sĩ trạm trưởng họ Hoàng mới chuyên tu hoặc tại chức lấy bằng Bác sĩ từ đại học Y Thái Bình. Trạm Y tế xã có chị nhân viên bán thuốc người làng Tống. Chị gọi cha tôi bằng bác, chắc là có họ gần. Tủ thuốc của trạm Y tế xã nghèo nàn và ít người mua. Trạm có vườn thuốc Nam. Tiếng là vườn thuốc, nhưng chỉ được vài luống kinh giới, bạc hà còn khá. Vì không có biện chế cho người làm vườn; lâu dần, vườn bị bỏ hoang nên cỏ nhiều và lán át, cao hơn cây thuốc. Cây đinh lăng già nua tàn dần. Riêng cành hồng nhung gần cửa sổ, tiện tưới nước thì tươi tốt lạ. Ba bốn buồng bệnh nhân không có ai nằm, cửa khoá im ỉm. Không phải người quê tôi không có bệnh tật gì, mà phần thì chưa quen với trạm Y tế xã, phần vì trạm xá quá thô sơ, thiếu nhân viên, thiếu phương tiện khám và thuốc điều trị. Nhận bệnh nặng thì trạm xá lại phải chuyển bệnh nhân lên bệnh viện đa khoa huyện mà cũng không có xe cấp cứu; loại đâu không thấy, chỉ thêm mất thì giờ. Phải chăng vì thế, bệnh viện tuyến trên quá tải, tuyến dưới ngay từ hồi ấy đã hoang phí, bỏ không. Hệ thống Y tế công chịu tai tiếng mãi.

6.

Mười Năm Ở Bạc Liêu, có thời gian tôi tham gia làm việc mấy tháng ở vùng sâu vùng xa của một huyện thuộc Cà Mau cũ. Lần ấy, tôi bị bệnh không rõ nguyên nhân. Một người bạn cùng ngành là người địa phương dùng xuồng ba lá chở tôi đến nhà ông bác sĩ tư vào buổi chiều muộn. Chèo xuồng hết cả tiếng đồng hồ, nghĩa là chừng 7, 8 cây số trên sông rạch chằng chịt thì đến nhà ông bác sĩ. Ông bác sĩ khám cho tôi xong thì chích một mũi thuốc. Tôi nhớ là ông chích vào tĩnh mạch. Ông lại cho uống mấy viên thuốc tại chỗ. Trước khi cho về, ông còn căn dặn uống thêm hai phần thuốc nữa. Đúng là "lượng y từ mẫu". Năm ấy tôi vừa tròn 28 tuổi. 32 năm sau, tôi viết chương này là để cảm ơn người thầy thuốc vô danh ở nông thôn vùng sâu vùng xa của Cà Mau. Và, để tri ân người bạn đã chèo xuồng giúp tôi được hạnh ngộ một ân nhân Lương Y Từ Mẫu. Tôi suy nghĩ mãi về tính hiệu quả, thiết thực của nghề y tư nhân và tổ chức trạm y tế đầy đủ ban bộ ở xã phường.